

TRƯỜNG THPT BÌNH TÂN

TỔ NGŨ VĂN

Văn bản: ĐÂY THÔN VĨ DẠ

(Hàn Mặc Tử)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả:

- **Hàn Mặc Tử** tên thật là Nguyễn Trọng Trí (1912 - 1940) xuất thân gia đình công giáo nghèo, mồ côi cha từ bé. Năm 1936, ông cùng **Chế Lan Viên** sáng lập ra **trường thơ Loạn**, rồi bị mắc bệnh phong. Sau đó mất tại bệnh phong Quy Hoà.

- Tuy cuộc đời nhiều bi thương nhưng **Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào Thơ mới.**

- Hàn Mặc Tử làm thơ từ lúc 14, 15 tuổi với các bút danh khác: **Phong Trần, Lệ Thanh**. Qua diện mạo hết sức phức tạp và đầy bí ẩn của Hàn Mặc Tử, người ta vẫn thấy rõ một tình yêu đau đớn đến tuyệt vọng nhưng vẫn hướng về cuộc đời trần thế.

2. Tác phẩm

a. Vị trí – xuất xứ: “*Đây thôn Vĩ Dạ*” sáng tác năm 1938, in trong tập “**Thơ Điên**” (**Đau thương**)

b. Hoàn cảnh sáng tác: Theo một số tài liệu, bài thơ được gợi cảm hứng từ mối tình của Hàn Mặc Tử với một cô gái vốn quê ở Vĩ Dạ, một thôn nhỏ bên dòng sông Hương nơi xứ Huế thơ mộng trữ tình.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Cảnh đẹp khu vườn Vĩ Dạ lúc hừng đông:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

- Câu thơ đầu: “*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*”: là một câu hỏi tu từ nhiều sắc thái:

+ **Câu hỏi** ở đây là một hình thức để thi nhân bày tỏ nỗi lòng: Ước muốn trở về thôn Vĩ. Hơn nữa, đây còn là cách nói lấp lửng: vừa hỏi, vừa nhắc nhớ, vừa trách yêu, mời mọc chân tình tha thiết và cũng có thể là lời tự vấn của chính thi nhân.

+ **Âm điệu** nhẹ nhàng, lời thơ mướt mà, dung dị đưa người đọc bước vào không gian hoài niệm của thi sĩ: *thôn Vĩ- một làng kề sát thành phố Huế, bên dòng Hương giang thơ mộng, trữ tình.*

- Câu thơ thứ hai, **điệp ngữ “nắng” (nắng hàng cau, nắng mới lên)**: tạo ấn tượng về những tia nắng ban mai ấm áp tỏa sáng lấp lánh trên những hàng cau còn ướt đầm sương

đêm. Đó là những tia nắng sớm tinh khôi, đẹp trong trẻo lạ thường. Hình ảnh **“Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên”**: vừa diễn tả vị trí và nơi nhận nắng đầu tiên, đồng thời cả cường độ, sắc độ, miêu tả tỉ mỉ, chi tiết.

-Lời trầm trồ thán phục: **“vườn ai mướt quá xanh như ngọc”** gợi sức sống, so sánh ví von cực tả màu sắc: thiên nhiên bừng sáng, thanh tân, tinh khiết.

+ Từ **“mướt”** kết hợp với thán từ **“quá”** cực tả gợi ra cái mướt mà, mơn mớn, trù phú của vườn cây thôn Vĩ.

+ **Cách** so sánh **“xanh như ngọc”** miêu tả ấn tượng về màu sắc tươi tắn, sáng trong. Cả câu thơ đã biến thôn Vĩ trong phút chốc thành một viên ngọc lớn, quý phái, phát sáng long lanh

-Hình ảnh con người: **“Lá trúc che ngang...”**: cảnh đẹp hơn khi có bóng dáng con người xuất hiện.

+ **“mặt chữ điền”**: gợi cảm, xinh xắn phúc hậu, dễ thương, tình tứ

→ Câu thơ sử dụng nghệ thuật **cách điệu hóa** - hình ảnh rất gợi. Con người ẩn hiện trong thiên nhiên càng thơ mộng. Cô gái thôn Vĩ thật đáng yêu, duyên dáng, thấp thoáng nét kín đáo, dịu dàng rất Huế. Cái đẹp làm say lòng thi sĩ!

Nhà thơ miêu tả thôn Vĩ dưới **con mắt cổ hóa**: **Thôn Vĩ** hiện lên như một khu vườn cổ tích. Tất cả đều trinh nguyên, thanh lọc đến mức sáng trong, kì ảo. Nó gợi lên niềm yêu thiết tha thôn Vĩ của Hàn thi nhân.

★ Thiên nhiên đẹp, nên thơ nhưng tâm trạng con người man mác vì không giao cảm được. Xứ Huế hiện lên trong vẻ đẹp diệu kỳ: Cảnh đẹp, người đẹp, tình đẹp bởi một hồn thơ khao khát được hòa nhập cuộc đời.

2. Tâm trạng con người trước cảnh sông nước, mây trời xứ Huế:

-Ở khổ thơ thứ hai này, tâm trí Hàn Mặc Tử hướng về một hình ảnh không thể tách rời thôn Vĩ, đó là dòng sông Hương với hai nét tiêu biểu cho xứ Huế là êm đềm và thơ mộng, đồng thời ẩn sâu trong đó là biết bao cảm xúc, suy tư của nhà thơ.

-Trong hai câu đầu, Hàn Mặc Tử tả thực vẻ êm đềm, nhịp điệu khoan thai của xứ Huế, gió mây nhẹ nhàng bay đi, dòng nước chảy lững lờ, cây cỏ khẽ đung đưa:

**“Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay”**

+Những năng chú ý là sắc thái cảm xúc của hai câu thơ này, vì nhà thơ đã dùng biện pháp nhân hóa với cả gió, mây và dòng sông.

+Về hình ảnh, có thể thấy ngay vẻ phi lí. Nhìn theo logic hiện thực thì mây gió làm sao có thể tách rời. Gió có thể bay **“theo lối gió”**, nhưng mây làm sao có thể bay theo **“đường mây”** được. Gió có thổi thì mây mới bay. Mây luôn phải gắn bó và lệ thuộc vào gió. Thế mà ở đây gió và mây, mỗi đàng đi một ngả. **Sự chia lìa này là ngang trái, phi hiện thực, phi lí.** Vậy vì sao có thể có hình ảnh như thế? Thi sĩ tạo ra hình ảnh này không phải bằng thị giác mà bằng cái nhìn của mặc cảm: Mặc cảm chia lìa. Mang nặng mặc cảm

của một người thiết tha gắn bó với đời mà đang có nguy cơ chia lìa với đời, nên thi sĩ nhìn đâu cũng thấy chia lìa. Thậm chí thấy cả sự chia lìa ở những thứ tưởng không thể chia lìa.

-Nghệ thuật nhân hoá “dòng nước”: khiến khung cảnh nhuốm buồn. Cảnh từ thực chuyển sang hư ảo.

-Chính cảm giác sắp phải chia lìa cuộc đời đã làm cho tâm hồn nhà thơ chìm đắm trong cõi hư vô, thực hư lẫn lộn:

**“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay”**

+Đây là cảnh thực mà cứ như ảo, vì **dòng sông không còn là dòng sông của sóng nước nữa mà là dòng sông ánh sáng, lấp lánh ánh trăng vàng.**

+Cũng vì thế, **con thuyền** vốn có thực trên dòng sông đã trở thành một hình ảnh của mộng tưởng, nó đậu trên bến sông trăng để chở trăng về một nơi nào đó trong mơ.

→Có thể nói, **ngòi bút tài hoa của Hàn Mặc Tử đã phác họa những nét đẹp nhất của sông Hương, đó là vẻ huyền ảo, thơ mộng dưới ánh trăng.**

-Nhưng vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của trăng chưa phải là khía cạnh mang dấu ấn thật sự riêng biệt của Hàn Mặc Tử. Mà đáng nói hơn là **ý nghĩa của trăng**. Đặt trăng trong mối tương quan với các hình ảnh khác mới thấy rõ ý nghĩa ấy.

Trong khổ thơ này, mọi hình ảnh đều gợi sự phiêu tán chia lìa. Gió bay đi, mây cũng bay đi, dòng nước buồn thiu cũng trôi đi....Tất cả đều như đang chia lìa, rời bỏ chôn này mà đi, khiến cho hồn thi sĩ quá nhạy cảm thấy mình như đang bị bỏ lại, bỏ rơi bên bờ quên lãng. Trong khoảnh khắc cô đơn ấy, dường như chỉ còn biết bám víu, trông chờ vào trăng nữa thôi. **Trăng là điểm tựa, là nguồn an ủi duy nhất . Cho nên thi sĩ đã đặt toàn bộ hi vọng vào trăng, vào con thuyền chở trăng về “kịp” tối nay.** Dưới ánh trăng, vạn vật như thoát xác, rũ bỏ đời sống trần tục để phủ lên mình một màu trắng bàng bạc.

“Trăng” - thi liệu quen thuộc trong thơ cổ.

“Trăng” - vĩnh hằng, ám ảnh trong thơ HMT- hình ảnh có tính chất tượng trưng: Tình yêu - Hạnh phúc.

“Trăng” - hình ảnh lẫn lộn giữa hư và thực.

“Trăng”- điểm tựa linh hồn thi nhân nhưng quá mong manh hư ảo, có nguy cơ tan vỡ ước mơ.

+Nhưng phải **“kịp tối nay”** chứ không phải là một tối nào khác. Vì với Hàn Mặc Tử quỹ thời gian còn lại quá ít ỏi.

→Chữ “kịp” làm lời thơ chứa đựng tâm trạng phấp phỏng, lo âu, khắc khoải của tác giả.

°Khổ thơ thể hiện nỗi buồn của thi nhân vì nhận ra cái hữu hạn , cái tương đối, cái bất lực của mình trước cái hữu hạn cái tuyệt đối, điều không thể với tới, của những vẻ đẹp thực sự trong đời.

3.Khát vọng tình cảm: Hình ảnh người thiếu nữ Huế và tâm trạng nhà thơ.

-Nhớ thiên nhiên thôn Vĩ không thể không nhớ **con người thôn Vĩ**, vì con người thôn Vĩ góp một phần không nhỏ tạo nên nét đẹp quyến rũ cho xứ Huế:

***“Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra”***

+Nhưng khi con người thôn Vĩ hiện ra trong kí ức của tác giả thì tác giả đã hoàn toàn rơi vào cõi **“mơ”**. Vì lúc ấy, Hàn Mặc Tử ý thức được cuộc đời mình ngắn ngủi quỹ thời gian còn lại của mình quá ít, không đủ để thi nhân hưởng thụ hết vẻ đẹp và ý nghĩa của cuộc sống này, đặc biệt là chưa **“kịp”** tỏ nỗi lòng của mình cùng **“khách đường xa”**.

+ **“Khách đường xa”**, có thể là Hoàng Cúc, người con gái trong mộng của thi nhân, nhưng cũng có thể đó là con người trên cõi dân gian này.

+**Điệp ngữ “khách đường xa”** càng làm cho **“khách đường xa”** kia trở nên xa hơn. Nghĩa là giờ đây, đối với Hàn Mặc Tử, khi mình biết được mình đang mắc căn bệnh nan y thì đồng nghĩa với người trong mộng đã mãi mãi trở thành **“khách đường xa”**, sẽ không có ngày hội ngộ.

+**“Khách”** đã xa mà xứ Huế lại có nắng nhiều, mưa nhiều nên cũng nhiều sương khói. Nhưng sương và khói đều màu trắng, áo em cũng màu trắng thì chỉ thấy bóng người thấp thoáng, mờ ảo, **“nhìn không ra”** cũng đúng thôi.

+Nhưng tại sao “trắng quá” lại nhìn không ra? Thật là nghịch lí. Càng trắng thì càng dễ nhìn ra chứ? Bởi cái màu **“trắng quá”** ấy đâu phải chỉ để đặc tả sắc trắng của áo, nó còn tượng trưng cho sự trinh bạch, thanh khiết, trong trắng tâm hồn của **“khách đường xa”** mà cả đời thi nhân theo đuổi trong tuyệt vọng. Em tinh khôi, thanh khiết bao nhiêu thì càng ra ròi khỏi tầm tay anh bấy nhiêu. Có lẽ vì thế mà từ **“quá”** như diễn tả sự tuyệt vọng của **“khách đường xa”**.

-Hai câu cuối vang lên trong nỗi niềm chơi vơi hụt hẫng:

***Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà***

+**“Ở đây”** là ở đâu? Ở chỗ anh (Quy Nhơn) hay ở chỗ em (Huế). Ở đâu chẳng nữa cũng la đất lắm **«sương khói»**. Đó là **«sương khói»** của khoảng cách, của thời gian, của mối tình vô vọng.

+Vì thế mà : **«Ai biết tình ai có đậm đà ? »**. Nhà thơ đã sử dụng rất tài tình đại từ phiếm chỉ **«ai»** để mở ra hai ý nghĩa của câu thơ : **«Ai »** là **tác giả** hay **«khách đường xa»** ? Có lẽ là cả hai.

+Nếu hiểu **“ai”** thứ nhất là nhà thơ thì có nghĩa là Hàn Mặc Tử làm sao mà biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia; Nếu hiểu **“ai”** thứ nhất là **«khách đường xa»**, thì dẫn đến cách hiểu Hàn Mặc Tử có biết chăng tình cảm của người xứ Huế rất thấm thiết, đậm đà ! Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng thêm nỗi cô đơn, trống vắng vơ vơ hoaøi nghi trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời của Hàn Mặc Tử.

→Khổ thơ thể hiện sự hoài nghi của một người yêu đời, yêu cuộc sống nhưng mang mặc sấp phải lìa xa cuộc đời tuyệt đẹp này. Khổ thơ cuối thể hiện tình yêu thầm kín, say đắm, lung linh, huyền ảo chơi vui đầy hụt hẫng rồi rơi vào bế tắc, tuyệt vọng trong tâm hồn nhà thơ:

**“Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ”**

★ Hình ảnh thực và mộng cứ chan hoà, trộn lẫn vào nhau làm khung cảnh hư ảo. Tác giả thể hiện tình cảm thiết tha, chân thành nhưng tuyệt vọng.

III. TỔNG KẾT:

1.Chủ đề:

-Vẽ nên bức tranh Vĩ Dạ đẹp với cả thần thái và tâm hồn, qua đó, thi nhân thể hiện khát vọng hạnh phúc nhưng không thành của cái tôi cô đơn Hàn Mặc Tử nói riêng và những con người trên cõi đời này.

-Bài thơ là bức tranh tuyệt đẹp về cảnh vật, con người xứ Huế. Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước tha thiết. Đồng thời, bộc lộ tình yêu thầm lặng, sâu kín, mờ ảo như sương khói của nhà thơ. Đặc trưng thơ Hàn Mặc Tử: thường có những bước nhảy về ý. Ý nọ cách ý kia một khoảng rất lớn, ngỡ không liên hệ gì với nhau, nhưng rất logic và liên mạch.

★ **“Đây thôn Vĩ Dạ”** là một bài thơ hay nổi tiếng trong thơ lãng mạn 1930-1945, vẫn sống mãi trong lòng người yêu thơ bao thế hệ. **Thế giới thực và mộng trong bài thơ hòa quyện vào nhau tạo vẻ đẹp toàn bích cho bài thơ.**

2.Nghệ thuật:

-Bài thơ có kết cấu chặt chẽ thông qua bốn câu hỏi (***Sao anh không về...? Vườn ai mướt quá...? Thuyền ai đậu bến sông trăng đó. Có chở trăng về...? Ai biết tình ai...?***), phân tích bài thơ là phân tích diễn biến tâm trạng của tác giả. Giọng điệu chủ đạo là buồn.

-Tâm trạng chủ thể trữ tình có sự biến chuyển thất thường, kiểu tâm trạng thanh niên lúc bấy giờ.

-Với những **hình ảnh biểu hiện nội tâm, bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng**, bài thơ **«Đây thôn Vĩ Dạ»** là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước, là tiếng lòng của một tha thiết yêu đời, yêu quê hương.